|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  **Dự thảo**  **Số: …. /QĐ-TTg** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày … tháng … năm 20…* |

**QUYẾT ĐỊNH**

PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA THỰC HIỆN KINH TẾ TUẦN HOÀN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2030, tầm nhìn 2050 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch hành động).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Ban Bí thư Trung ương Đảng; * Các Phó Thủ tướng Chính phủ; * Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; * HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; * Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; * Văn phòng Tổng Bí thư; * Văn phòng Chủ tịch nước; * Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; * Văn phòng Quốc hội; * Tòa án nhân dân tối cao; * Viện kiểm sát nhân dân tối cao; * Kiểm toán nhà nước; * Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; * Ngân hàng Chính sách xã hội; * Ngân hàng Phát triển Việt Nam; * Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; * Cơ quan trung ương của các đoàn thể; * VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,   các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;   * Lưu: VT, NN (2b). | **THỦ TƯỚNG** |

|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  **Dự thảo số 0** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH**

HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA THỰC HIỆN KINH TẾ TUẦN HOÀN

ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số…/202…/QĐ-TTg ngày……tháng……năm 202...*

*của Thủ tướng Chính phủ)*

**1. BỐI CẢNH**

- Tổng quan về hiện trạng khai thác và sử dụng tài nguyên;

- Sản xuất và tiêu dùng;

- Tình hình và dự báo phát sinh chất thải;

- Bối cảnh trong nước và quốc tế về thực hiện KTTH;

**2. QUAN ĐIỂM**

- Phát triển kinh tế tuần hoàn (KTTH) là giải pháp trọng tâm để đổi mới mô hình, nâng cao chất lượng tăng trưởng, cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia, bảo đảm sản xuất và tiêu dùng bền vững, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo; phân bổ, quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

- Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ hiệu quả các nguồn lực để thực hiện KTTH; Nhà nước đóng vai trò tiên phong, kiến tạo, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, cung cấp thông tin, dữ liệu để thúc đẩy đổi mới sáng tạo thực hiện KTTH.

- Thực hiện KTTH là tiến trình dài và liên tục, cần được đánh giá và điều chỉnh trên cơ sở đảm bảo tính kế thừa trong suốt quá trình thực hiện, tận dụng tối đa lợi thế, tiềm năng, đặc điểm của các ngành, lĩnh vực, từng vùng, miền và địa phương để lựa chọn, nghiên cứu, thí điểm, nhân rộng và phát triển các mô hình KTTH phù hợp, hiệu quả, giàu tính cạnh tranh.

- Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tăng cường nghiên cứu, ứng dụng thành quả khoa học và công nghệ của Cách mạng Công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số được xem là các yếu tố then chốt để khuyến khích áp dụng KTTH ngay từ khi thiết kế sản phẩm, quy trình sản xuất, phân phối, thu gom, tái chế, tái sử dụng chất thải.

- Thực hiện KTTH cần gắn với phát huy nội lực, tính độc lập, tự chủ trong thực hiện KTTH, đồng thời tích cực tận dụng và thu hút các cơ hội, nguồn lực đầu tư từ bên ngoài.

**3. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU**

**3.1. Mục tiêu tổng quát[[1]](#footnote-1)**

Hình thành hệ thống cơ cấu sản xuất, tiêu dùng bền vững, sử dụng hiệu quả giá trị tài nguyên, nguồn nguyên liệu, vật liệu đã qua sử dụng, hạn chế tối đa chất thải ra môi trường, thúc đẩy sự tái sinh của thiên nhiên trên cơ sở lựa chọn, áp dụng mô hình KTTH phổ biến và phù hợp, khai thác hiệu quả tiềm năng về đổi mới, sáng tạo của cộng đồng doanh nghiệp, người dân để thúc đẩy áp dụng KTTH, gắn với phát triển các thói quen, thực hành, tạo dựng văn hóa áp dụng KTTH trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng, tiến tới hình thành xã hội tuần hoàn vật chất.

**3.2. Mục tiêu cụ thể**

a) Đến năm 2025

- Hoàn thành việc xây dựng, ban hành khung hướng dẫn áp dụng việc thực hiện KTTH cho các ngành, lĩnh vực đặc thù phải có hướng dẫn;

- Hoàn thành việc xây dựng, ban hành kế hoạch hành động thực hiện KTTH của ngành, lĩnh vực, địa phương;

- Thiết lập hệ thống quản lý, theo dõi, đánh giá, hỗ trợ và xây dựng khung giám sát thực hiện KTTH;

- Chỉ tiêu KTTH được lồng ghép vào trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý, tái sử dụng, tái chế chất thải ở các cấp, các ngành;

- Thiết lập cơ chế chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu, phát triển mạng lưới KTTH Việt Nam.

b) Đến năm 2030

- Hình thành môi trường thể chế, hệ thống chính sách, pháp luật, khoa học công nghệ và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, thiết thực, hiệu quả để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, phát triển công nghệ số hóa cho KTTH;

- Phổ biến các mô hình KTTH ở các ngành, lĩnh vực phù hợp với lợi thế và đặc trưng của các ngành, lĩnh vực và từng địa phương;

- Phát triển các thói quen, thực hành, tiến tới tạo dựng văn hóa áp dụng KTTH;

- Đạt được các chỉ tiêu về sử dụng hiệu quả tài nguyên, tái sử dụng, tái chế chất thải tương đương với các nước dẫn đầu trong khối ASEAN;

- KTTH trở thành một trong những giải pháp trọng tâm cho phục hồi xanh ở tất cả các ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng.

c) Tầm nhìn đến năm 2050

Thiết lập cơ cấu sản xuất, tiêu dùng bền vững, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa kinh tế với môi trường, tăng trưởng nhanh đồng thời đảm bảo bền vững. Phát triển xã hội tuần hoàn vật chất phù hợp với đặc trưng của Việt Nam, góp phần tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, năng lượng, khép kín vòng đời sản phẩm, giảm thiểu tối đa chất thải,đóng góp quan trọng vào mục tiêu phát thải ròng bằng 0 và trung hòa các-bon.

**3.3. Các chỉ tiêu kinh tế tuần hoàn cấp quốc gia**

a) Chỉ tiêu đánh giá mức độ giảm khai thác, sử dụng nhiên liệu hóa thạch, rừng tự nhiên, nước; tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên, nguyên liệu thô, vật liệu; tiết kiệm năng lượng;

b) Kéo dài thời gian sử dụng vật liệu, thiết bị, sản phẩm, hàng hóa, các linh kiện, cấu kiện thông qua các chỉ tiêu phản ánh thiết kế sinh thái, thiết kế tuần hoàn; mức độ tái sử dụng, tái chế nguyên liệu, vật liệu thứ cấp, chất thải;

c) Hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

***Chi tiết các chỉ tiêu cụ thể được trình bày tại Phụ lục I ban hành kèm theo Kế hoạch hành động này.***

**4. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ LỘ TRÌNH TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KINH TẾ TUẦN HOÀN[[2]](#footnote-2)**

Lộ trình thực hiện KTTH đối với các ngành, lĩnh vực trọng tâm quy định tại Phụ lục … ban hành kèm theo Kế hoạch này *(dựa trên mức độ sẵn sàng về mặt chính sách, mức độ dễ áp dụng với chi phí thấp, xu hướng chung của khu vực vực và quốc tế)[[3]](#footnote-3);* Danh mục các ngành, lĩnh vực phải có hướng dẫn áp dụng KTTH được quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Kế hoạch này; Danh mục các loại hình dự án đầu tư, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sản phẩm trọng tâm thực hiện KTTH[[4]](#footnote-4) được quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Kế hoạch này. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, địa bàn quản lý được giao thực nhiệm các nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

**4.1. Tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, pháp luật về kinh tế tuần hoàn**

**Mục tiêu:** thay đổi thói quen, nhận thức và hành động hướng đến hình thành xã hội tuần hoàn vật chất, tạo dựng nét văn hóa, thói quen tốt áp dụng tư duy của KTTH trong khai thác, sử dụng bền vững các nguồn vốn tự nhiên; thay đổi tư duy coi trọng lợi ích kinh tế trước mắt mà bỏ qua các lợi ích lâu dài về môi trường, xem chất thải là tài nguyên và là nguồn lực đầu vào cho sản xuất, kinh doanh. Nâng cao kiến thức, pháp luật về KTTH đến tất cả các tổ chức, cá nhân trong xã hội.

1. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức, pháp luật, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, vai trò của cá nhân, xã hội trong thực hiện KTTH.

2. Xây dựng, lồng ghép, kiện toàn chương trình đào tạo, dậy nghề về KTTH.

3. Lồng ghép các nội dung giáo dục về KTTH vào chương trình giáo dục các cấp học, bậc học.

a) Xây dựng các tài liệu về phát triển KTTH; tài liệu hướng dẫn áp dụng KTTH phù hợp với từng nhóm đối tượng;

b) Triển khai các chương trình tập huấn, giáo dục, nâng cao nhận thức về áp dụng mô hình KTTH trong chương trình giáo dục, đào tạo ở các ngành, lĩnh vực.

4. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, tăng cường năng lực, nhận thức về KTTH của đội ngũ công chức, viên chức, người lao động và các đối tượng khác.

5. Tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng các thói quen và thực hành tốt về KTTH[[5]](#footnote-5) trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, thu gom, phân loại, tái sử dụng, tái chế chất thải.

6. Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia, hỗ trợ nguồn lực để tổ chức các hoạt động truyền thông, phổ biến kiến thức, pháp luật về KTTH.

**4.2. Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật**

**Mục tiêu:** Hình thành cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành để thúc đẩy thực hiện KTTH; tiếp tục hoàn thiện, phát huy vai trò của các quy định pháp luật có vai trò hỗ trợ KTTH hiện hành; chỉnh sửa, bổ sung hoặc ban hành các chính sách, quy định pháp luật mới để hình thành một khung khổ pháp luật đầy đủ, đồng bộ, hiệu quả để thúc đẩy thực hiện KTTH toàn diện.

1. Thành lập cơ quan điều phối liên ngành về KTTH; Mạng lưới KTTH Việt Nam

a) Thành lập Ban chỉ đạo Quốc gia về phát triển KTTH. Ban Chỉ đạo quốc gia do Phó Thủ tướng làm Trưởng Ban, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường làm Phó trưởng ban và các Ủy viên là đại diện lãnh đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan, để tổ chức phối hợp liên ngành, giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành về thực hiện KTTH;

b) Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối quốc gia về KTTH, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện KTTH; hướng dẫn, giám sát, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện; chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan xác định và phân bổ nguồn tài chính trong nước và điều phối các nguồn tài trợ của nước ngoài, cơ chế chính sách thúc đẩy thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện KTTH;

c) Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức có liên quan căn cứ vào nhiệm vụ được giao chủ trì và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động được quy định trong Phụ lục II ban hành kèm theo Kế hoạch hành động này. Định kỳ thống kê, báo cáo, đánh giá về thực hiện KTTH gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Lồng ghép tiêu chí/chỉ tiêu KTTH vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và đề án phát triển[[6]](#footnote-6) của các ngành, lĩnh vực, địa phương.

3. Xây dựng, ban hành các công cụ, chính sách hỗ trợ thực hiện KTTH, bao gồm:

a) Các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn kỹ thuật hỗ trợ thực hiện KTTH;

a) Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến công nghệ, thiết bị, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ của kinh tế tuần hoàn[[7]](#footnote-7);

b) Nghiên cứu khoa học, phát triển ứng dụng, chuyển giao công nghệ và sản xuất thiết bị, đào tạo nhân lực để thực hiện KTTH; cung cấp nền tảng chia sẻ thông tin, dữ liệu về KTTH;

c) Ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ tổ chức, cá nhân có hoạt động, dự án áp dụng mô hình KTTH theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan;

4. Nghiên cứu, đề xuất lồng ghép mục tiêu phát triển KTTH vào quá trình hoàn thiện các quy định pháp luật khác có liên quan; tiến tới ban hành Luật thúc đẩy thực hiện KTTH ở Việt Nam.

a) Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng để tăng vai trò và quyền của người tiêu dùng trong thực hiện KTTH;

b) Pháp luật về thuế giá trị gia tăng theo hướng khuyến khích phát triển các sản phẩm tái chế, tái sử dụng, nguyên liệu, vật liệu thứ cấp;

c) Pháp luật về thuế xuất nhập khẩu, thuế/phí bảo vệ môi trường, ưu đãi/hỗ trợ đối với các sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ của KTTH;

d) Nghiên cứu xây dựng và đề xuất ban hành Luật thúc đẩy phát triển KTTH ở Việt Nam.

**4.3. Phát triển khoa học và công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số cho thực hiện kinh tế tuần hoàn**

**Mục tiêu, nhiệm vụ:** (i) Hình thành không gian đổi mới, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng trên cơ sở áp dụng các nguyên tắc, giải pháp thực hiện KTTH; (ii) tăng cường vai trò của đổi mới, số hóa và các công nghệ xanh, công nghệ mới nổi để thúc đẩy thực hiện KTTH;

1. Phát triển công nghệ xử lý ô nhiễm, tái chế, xử lý chất thải; ưu tiên chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, công nghệ đồng xử lý, công nghệ thu hồi nhiên liệu, nguyên liệu và năng lượng, xử lý triệt để trước khi chôn lấp, kỹ thuật hiện có tốt nhất[[8]](#footnote-8).

2. Phát triển mạnh ngành công nghiệp tái chế, hình thành các khu công nghiệp tái chế; khuyến khích đầu tư, xây dựng các cơ sở tái chế có công nghệ hiện đại; từng bước hạn chế các cơ sở tái chế thủ công, quy mô nhỏ, gây ô nhiễm môi trường ở các làng nghề.

3. Tạo dựng hệ sinh thái phù hợp gắn kết phát triển KTTH & kinh tế số; phát triển công nghiệp môi trường trên nền tảng số; thúc đẩy phát triển và ứng dụng đổi mới trên nền tảng số hóa (R&D-i); thúc đẩy các công nghệ đột phá mới để tạo dựng các giá trị kinh tế mới từ KTTH như trí tuệ nhân tạo Internet vạn vật, dữ liệu lớn, ...[[9]](#footnote-9)

4. Thử nghiệm, xây dựng hướng dân áp dụng bộ công cụ đánh giá và đo lường tuần hoàn địa phương; khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất kinh doanh tập trung; cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, sản phẩm[[10]](#footnote-10).

5. Hợp tác chiến lược giữa các cơ quan nghiên cứu khoa học với doanh nghiệp, nhà quản lý để huy động nguồn lực thực hiện các giải pháp có tác động lớn đến KTTH.

a) Phát triển các nghiên cứu đặc thù và đánh giá tiềm năng cho chuyển đổi sang KTTH đối với các hệ thống sản xuất khác nhau, chuỗi giá trị và khu vực tập trung công nghiệp cao;

b) Thúc đẩy đầu tư trong thực hiện các dự án thí điểm hợp tác KTTH, nhân rộng các kết quả thành công và phổ biến các bài học kinh nghiệm;

c) Thúc đẩy phát triển nền tảng tương tác cho phát triển thị trường các nguyên vật liệu thứ cấp;

d) Thúc đẩy đánh giá các khu công nghiệp và khu vực khác có tập trung cao các hoạt động sản xuất hướng đến mô hình khu công nghiệp sinh thái.

6. Phát triển công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường. Ưu tiên lựa chọn công nghệ, thiết bị, sản phẩm phục vụ yêu cầu thực hiện KTTH[[11]](#footnote-11); Bổ sung các chỉ tiêu thống kê về ngành công nghiệp môi trường vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia[[12]](#footnote-12); xây dựng và triển khai hiệu quả chương trình phát triển ngành công nghiệp môi trường[[13]](#footnote-13).

7. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ thực hiện KTTH, bao gồm:

a) Hạ tầng số cho phát triển KTTH;

b) Hạ tầng thu gom, phân loại, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải;

c) Hạ tầng khu công nghiệp tái chế; hạ tầng liên kết vùng, liên kết đô thị với nông thôn.

**4.4. Huy động nguồn vốn, phát triển nguồn nhân lực và kết nối chia sẻ thông tin, dữ liệu**

**Mục tiêu:** (i) huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của xã hội cho thực hiện KTTH bao gồm: nguồn nhân lực, tài lực, vật lực, nguồn nhà nước, tư nhân cho KTTH; (ii) hình thành các cơ chế tài chính mới, đặc thù cho KTTH; (iii) hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật như hạ tầng thu gom, phân loại và xử lý chất thải; hạ tầng số … cho KTTH.

1. Huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế trong thực hiện KTTH thông qua:

a) Phát huy vai trò dẫn dắt phát triển của các doanh nghiệp nhà nước trong thực hiện KTTH gắn liền với tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế[[14]](#footnote-14);

b) Khuyến khích phát triển các tổ chức kinh tế tập thể[[15]](#footnote-15) gắn với phát triển KTTH bằng các hình thức hỗ trợ, hướng dẫn phù hợp, bao gồm ban hành hướng dẫn thực hiện KTTH cho các tổ chức kinh tế tập thể; tạo điều kiện cho các tổ chức kinh tế tập thể tham gia thực hiện nội dung thí điểm, thử nghiệm phát triển KTTH, các chương trình, dự án áp dụng KTTH phù hợp với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của tổ chức kinh tế tập thể ở từng địa phương; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, lao động trong các tổ chức kinh tế tập thể đáp ứng yêu cầu của KTTH; ưu tiên cho các tổ chức kinh tế tập thể tiếp cận nguồn lực, nghiên cứu khoa học và chuyển giao kỹ thuật trong phát triển các mô hình KTTH[[16]](#footnote-16);

c) Tạo điều kiện thuận lợi để khu vực kinh tế tư nhân đổi mới, sáng tạo, áp dụng KTTH trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập kinh tế quốc tế[[17]](#footnote-17), đặc biệt khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), thúc đẩy liên kết hình thành các hình thức tổ chức hợp tác để thực hiện KTTH;

d) Đổi mới cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia đầu tư áp dụng và phát triển các mô hình KTTH, thành lập các trung tâm nghiên cứu – phát triển (R&D), trung tâm đổi mới sáng tạo, áp dụng và phát triển KTTH; khuyến khích, ưu đãi thỏa đáng để tăng liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài vào các lĩnh vực trọng tâm thực hiện KTTH[[18]](#footnote-18);

2. Thực hiện tái cơ cấu các dòng đầu tư vào khu vực xanh, chuyển đổi xanh và áp dụng KTTH trong bối cảnh tái cơ cấu nền kinh tế thông qua việc thúc đẩy các dòng tài chính xanh, mua sắm xanh.

3. Phát triển nguồn nhân lực thực hiện KTTH[[19]](#footnote-19): Xây dựng chương trình đạo tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực thực hiện KTTH; Tổ chức đào tạo nghề về KTTH; Nghiên cứu xây dựng hệ thống thống kê về nguồn nhân lực về KTTH; Phát triển mạng lưới tư vấn, đánh giá và cung cấp các giải pháp thực hiện KTTH.

4) Kết nối chia sẻ thông tin, dữ liệu thực hiện KTTH

a) Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu môi trường[[20]](#footnote-20);

b) Phát triển Khung giám sát, hệ thống thông tin dữ liệu và cơ chế chia sẻ;

c) Kiện toàn cơ chế hoạt động và nâng cao vai trò của Mạng lưới KTTH Việt Nam[[21]](#footnote-21);

d) Cải thiện các công cụ đo lường, mô hình hóa để theo dõi, giám sát và điều chỉnh các mục tiêu, chỉ tiêu và biện pháp.

5. Nhân rộng các giải pháp trọng tâm cho KTTH thông qua các biện pháp ưu tiên dưới đây:

a) Nhận dạng các doanh nghiệp quốc gia cung cấp các sản phẩm, dịch vụ và thúc đẩy xuất khẩu và quốc tế hóa các hàng hóa, dịch vụ KTTH;

b) Hướng các quỹ đầu tư tác động quốc tế đến các dự án quốc gia, dự án cấp vùng về áp dụng KTTH trong sản xuất, kinh doanh;

c) Cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật đối với các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nhận diện các dự án đầu tư áp dụng KTTH và đặc trưng của các lợi ích, rủi ro môi trường.

**4.5. Thực hiện thiết kế sinh thái đối với các sản phẩm, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trọng tâm**[[22]](#footnote-22)**; thúc đẩy phân loại, thu gom, tái sử dụng và tái chế chất thải; phát triển các mô hình KTTH trọng tâm**

**Mục tiêu:** thúc đẩy áp dụng KTTH ngay từ giai đoạn thiết kế sản phẩm, dự án, quy trình sản xuất kinh doanh, dịch vụ; thiết lập lộ trình gắn với các loại hình sản phẩm, dự án đầu tư cần phải thực hiện thiết kế sinh thái, các nguyên tắc căn bản của thiết kế sinh thái và trách nhiệm của các cấp, các ngành để thực hiện KTTH nhằm đáp ứng yêu cầu. Nhận diện các loại mô hình KTTH trọng tâm để các Bộ, ngành và địa phương tập trung nguồn lực, nghiên cứu, thử nghiệm, nhân rộng, hoàn thiện các cơ chế, biện pháp chính sách và điều hành để thúc đẩy các mô hình phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý được giao, đặc trưng của ngành, lĩnh vực và địa phương quản lý.

1. Các loại hình sản phẩm tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, năng lượng và phát sinh nhiều chất thải[[23]](#footnote-23) và nguy cơ tác động xấu đến môi trường trong quá trình sản xuất, sử dụng và thải bỏ quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Kế hoạch hành động phải áp dụng thiết kế sinh thái, thiết kế để thực hiện KTTH.

2. Việc thiết kế sinh thái, thiết kế tuần hoàn phải tuân thủ các nguyên tắc, quy trình sau:

a)

b)

c)

….

3. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc phân loại chất thải rắn tại nguồn, thu gom, tái chế, tái sử dụng chất thải theo các biện pháp ưu tiên của KTTH trong quản lý chất thải rắn, nước thải.

4. Thí điểm, nhân rộng, tài trợ, hỗ trợ các mô hình sử dụng hiệu quả tài nguyên, quản lý chất thải theo hướng KTTH, phát triển các mô hình kinh doanh áp dụng KTTH trọng tâm sau[[24]](#footnote-24):

a) Mô hình sử dụng hiệu quả nguồn lực tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên đất, nước, địa chất và khoáng sản, bao gồm: các mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ cao; mô hình liên kết theo chuỗi giá trị để sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên đất, nước và các dịch vụ được cung ứng bởi hệ sinh thái tự nhiên trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp; mô hình quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên khoáng sản; mô hình chế biến sâu khoáng sản để hạn chế xuất khẩu thô, nâng cao giá trị của tài nguyên khoáng sản; mô hình khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; mô hình tuần hoàn, tái sử dụng nước (đặc biệt ở các khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước);

b) Mô hình tái sử dụng, tái chế chất thải15, bao gồm: mô hình giảm thiểu, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý và tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại cộng đồng dân cư đảm bảo tính bền vững, phù hợp với đặc trưng của từng vùng, miền và địa phương; mô hình thu hồi sản phẩm thải bỏ trong các lĩnh vực ưu tiên như nhựa, giấy, thủy tinh, bao bì, cao su16, điện tử; mô hình tái sử dụng, tái chế chất thải từ hoạt động xây dựng, sử dụng vật liệu không nung và vật liệu thân thiện môi trường trong xây dựng; mô hình thu gom phụ phẩm nông nghiệp, phế liệu từ các ngành công nghiệp và dịch vụ để sản xuất ra sản phẩm hàng hóa, sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản xuất năng lượng hoặc phải được xử lý theo quy định; mô hình liên kết đô thị với nông thôn, mô hình kinh tế tập thể, mô hình đồng xử lý chất thải, mô hình liên minh tái chế và các mô hình liên kết khác theo quy định của pháp luật để tái chế, tái sử dụng chất thải; mô hình tái sử dụng đối với các sản phẩm, bao bì tại các hộ gia đình thông qua việc sử dụng túi/giỏ đi chợ; ....

c) Mô hình KTTH trong lĩnh vực tài nguyên nước theo hướng sử dụng tối đa giá trị của nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt thông qua việc áp dụng các giải pháp: xử lý và tái sử dụng nước thải trực tiếp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật; xử lý và chuyển giao để tái sử dụng nước thải cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật; chuyển giao cho đơn vị khác để xử lý, tái sử dụng theo quy định của pháp luật.

d) Các mô hình đáp ứng nhiều tiêu chí của KTTH, bao gồm:

- Mô hình cộng sinh công nghiệp17; mô hình khu, cụm công nghiệp, làng nghề theo hướng sinh thái, áp dụng biện pháp để thực hiện KTTH để hướng đến phát triển bền vững; mô hình mạng lưới liên kết bền vững giữa sản xuất tiểu thủ công nghiệp và sản xuất công nghiệp; mô hình khu đô thị, khu dân cư tập trung thực hiện thiết kế, tổ chức quản lý và thực hiện các biện pháp để đạt được tiêu chí KTTH như thiết kế mặt bằng tổng thể tối ưu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và giảm định mức tiêu thụ tài nguyên đất, nước, năng lượng; áp dụng các giải pháp giao thông thân thiện với môi trường, giảm phát thải khí nhà kính; phát triển, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo theo quy định của pháp luật;

- Mô hình quản lý tổng hợp, khai thác hiệu quả, chế biến và chế tạo, sản xuất và sử dụng bền vững tài nguyên, nhiên liệu, nguyên vật liệu và năng lượng tái tạo cho các ngành công nghiệp;

- Mô hình về giảm thiểu, thu hồi, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải; các mô hình áp dụng KTTH trong sản xuất, kinh doanh và quản lý chất thải; mô hình sử dụng các nguyên vật liệu, sản phẩm thân thiện môi trường; giảm thiểu, thu gom, tái sử dụng chất thải; áp dụng các giải pháp thân thiện môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả tại các trung tâm thương mại và siêu thị, các cơ sở và trung tâm phân phối sản phẩm của doanh nghiệp;

- Mô hình sản xuất, kinh doanh và dịch vụ áp dụng thiết kế bền vững, thiết kế sinh thái, thiết kế để tái chế, tái sử dụng cho các sản phẩm nhựa, bao bì, dệt may, thủ công mỹ nghệ, đồ gia dụng và các sản phẩm có tiềm năng khác; sản xuất, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường, áp dụng các biện pháp liên kết bền vững theo vòng đời sản phẩm.

- Phát triển hệ thống sử dụng tài nguyên theo vòng khép kín, hạn chế xả thải ra môi trường; các mô hình sử dụng các nhiên liệu thay thế như: gió, năng lượng mặt trời, các vật liệu tự nhiên dễ phân hủy.

đ) Các mô hình sản xuất sạch hơn, sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường, áp dụng các mô hình liên kết bền vững theo vòng đời sản phẩm.

e) Thường xuyên cập nhật thực tiễn, tổ chức nghiên cứu thí điểm, đánh giá, đề xuất các giải pháp để phát triển và nhân rộng các sáng kiến, mô hình mới từ doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và người dân hướng đến mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tái chế, tái sử dụng chất thải khác phù hợp với đặc trưng ngành/lĩnh vực được giao quản lý và điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của từng vùng miền.

**4.6. Hình thành và phát triển thị trường các hàng hóa và dịch vụ; bảo đảm quyền của người tiêu dùng trong thực hiện KTTH**

**\* Mục tiêu:** thay thế nhập khẩu các công nghệ, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ có liên quan đến KTTH;tăng sản lượng và giá trị của các nguyên liệu, sản phẩm của KTTH (nguyên vật liệu thân thiện môi trường, sản phẩm và dịch vụ tuần hoàn… mà Việt Nam có lợi thế vào thị trường (trong nước và nước ngoài, đặc biệt là khu vực ASEAN, các thị trường tiềm năng khác); hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước thuận lợi ứng phó với các quy định mới trên thị trường thế giới để hạn chế các rào cản thương mại liên quan đến thúc đẩy KTTH trên thế giới; từng bước thuận lợi hóa thương mại và mở cửa thị trường các hàng hóa và dịch vụ liên quan đến KTTH phù hợp với xu hướng chung của quốc tế và các cam kết mà Việt Nam ký kết.

1. Nâng cao năng lực sản xuất, cung ứng các hàng hóa và dịch vụ cho KTTH

a) Xây dựng chương trình nâng cao năng lực cho doanh nghiệp trong tiếp cận thông tin và thương mại điện tử liên quan đến hàng hóa và dịch vụ KTTH, ưu tiên cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs).

b) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và phân loại sản phẩm thân thiện môi trường, sản phẩm tái chế; rà soát, cập nhật và công nhận các sản phẩm thân thiện với môi trường được chứng nhận bởi bên thứ ba.

c) Xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật về áp dụng KTTH trong sản xuất, kinh doanh cho một số ngành, lĩnh vực trong tâm;

d) Khuyến khích các doanh nhiệp FDIs đầu tư vào thực hiện KTTH, liên kết với các doanh nghiệp trong nước để sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ về KTTH;

đ) Nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tuần hoàn trong nước; hỗ trợ thông tin thị trường, nhận diện tiềm năng cung ứng các sản phẩm, dịch vụ về KTTH cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa;

2. Phát triển thị trường tái sử dụng sản phẩm thải bỏ, tái chế chất thải; hình thành hệ thống phân phối bền vững, xuất nhập khẩu bền vững cho các sản phẩm, dịch vụ của KTTH[[25]](#footnote-25).

a) Mở rộng phạm vi, tăng tỷ trọng mua sắm chính phủ đối với sản phẩm thân thiện môi trường[[26]](#footnote-26);

b) Tăng cường hiệu lực, hiệu quả, giám sát, xử phạt vi phạm trong lĩnh vực môi trường theo pháp luật về BVMT (hình thành nhu cầu thực trọng nước);

c) Phát triển lĩnh vực dịch vụ hàng hóa và môi trường để thúc đẩy sử dụng hàng hóa môi trường; khuyến khích các doanh nghiệp vừa cung cấp công nghệ, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ môi trường;

d) Thương mại đối với hàng hóa tái sản xuất, hàng cũ, sản phẩm, linh kiện cuối vòng đời, nguyên liệu, vật liệu thứ cấp và các dịch vụ liên quan.

3. Thúc đẩy mua sắm công bền vững; mua sắm công tuần hoàn;

a) Lồng ghép tiêu chí môi trường, Nhãn sinh thái Việt Nam và các yêu cầu bảo vệ môi trường vào quá trình đấu thầu, mua sắm công;

b) Nghiên cứu trình ban hành quy định chi tiết về ưu tiên mua sắm sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường trong hoạt động đấu thầu thực hiện dự án, nhiệm vụ đối với nhà thầu, nhà đầu tư sử dụng các sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam.

c) Ban hành quy định chi tiết nội dung thực hiện mua sắm xanh đối với các dự án, nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Phát triển thị trường trong nước đối với các sản phẩm, dịch vụ của kinh tế tuần hoàn;

a) Hình thành các trang thương mại điện tử, sàn giao dịch đối với các hàng hóa và dịch vụ về KTTH[[27]](#footnote-27);

b) Xây dựng lộ trình mở cửa thị trường, giảm bớt các rào cản không cần thiết để thúc đẩy thương mại, đầu tư và đổi mới đối với hàng hóa và dịch vụ môi trường để đảm bảo phổ biến các công nghệ tuần hoàn tốt nhất hiện có;

c) Hỗ trợ di chuyển qua biên giới các hàng hóa cũ và các nguyên liệu, vật liệu thứ cấp để hỗ trợ cho các nỗ lực tuần hoàn, như là thông qua phát triển hệ thống phân loại để gúp tối thiểu hóa các gánh nặng qui định không cần thiết;

d) Đảm bảo năng lực về hàng hóa và dịch vụ môi trường ở khu vực ASEAN và đàm phán thương mại đa phương, song phương mà Việt Nam ký kết;

đ) Hỗ trợ khu vực kinh doanh trong các nỗ lực quản lý chuỗi cung ứng bền vững, bao gồm dịch vụ hỗ trợ và tư vẫn kỹ thuật, kiểm tra cho các công nghệ mới, và các dịch vụ phụ trợ khác.

5. Đảm bảo các quyền của người tiêu dùng trong tiếp cận thông tin, thực hiện kéo dài vòng đời sản phẩm (quyền sửa chữa sản phẩm, quyền bảo hành, bảo dưỡng…).

6. Phát triển các dịch vụ hỗ trợ thực hiện KTTH, bao gồm: Dịch vụ thiết kế sinh thái, thiết kế để tái chế, tái sử dụng; dịch vụ bảo vệ môi trường; dịch vụ tư vấn các giải pháp, đánh giá, cung cấp công nghệ, thiết bị, sản phẩm thực hiện KTTH; dịch vụ khác có liên quan (sửa chữa, tân trang, tái sản xuất…).

7. Hài hòa hóa, xây dựng và phát triển hệ thống các nhãn đối với các sản phẩm, dịch vụ và loại hình dự án về KTTH phù hợp với thông lệ quốc tế như nhãn sinh thái Việt Nam, nhãn tiết kiệm năng lượng, nhãn tuần hoàn, chứng nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh...

**4.7. Tăng cường liên kết, phối hợp và hợp tác trong thực hiện kinh tế tuần hoàn**

**\* Mục tiêu:** Đa dạng hóa các hình thức liên kết theo hướng phù hợp, hiệu quả, thiết thực dưới sự dẫn dắt của Chính phủ như: Liên kết giữa đô thị và nông thôn; liên kết vùng, địa phương; liên kết giữa các thành phần kinh tế, các ngành kinh tế, các tổ chức để hình thành các chuỗi giá trị gia tăng của các ngành hàng. Phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên, các Hiệp hội nghề nghiệp trong thực hiện KTTH. Tăng cường kết nối toàn cầu, khu vực ASEAN về KTTH để chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về cơ chế, chính sách, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến về khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên; tái sử dụng, tái chế chất thải theo các tiêu chí của KTTH, kinh tế xanh; từng bước đưa Việt Nam trở thành quốc gia tiêu biểu trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN về KTTH; tận dụng được cơ hội đưa các sản phẩm và dịch vụ tiềm năng về KTTH của Việt Nam ra thị trường thế giới.

1. Thúc đẩy liên kết vùng, liên kết ngành, lĩnh vực trong thực hiện KTTH.

a) Liên kết giữa đô thị[[28]](#footnote-28) và nông thôn trong phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải;

b) Thí điểm mô hình khu công nghiệp tái chế chất thải rắn sinh hoạt, nước thải cấp vùng[[29]](#footnote-29);

c) Tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội, các ngành thực hiện liên kết trong thực hiện KTTH;

d) Khuyến khích đầu tư FDIs vào lĩnh vực sản xuất, cung ứng hàng hóa và dịch vụ KTTH trong nước; kết nối, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nội địa tham gia vào chuỗi giá trị gia tăng về KTTH.

2. Phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện để Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tham gia thực hiện tư vấn, phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hiện KTTH theo quy định của pháp luật.

3. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển quan hệ đối tác quốc tế để chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về cơ chế, chính sách, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến về khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên; tái sử dụng, tái chế chất thải theo các tiêu chí của KTTH.

4. Tham gia và đóng góp tích cực vào thực hiện thành công mục tiêu chiến lược của Khung KTTH của Cộng động Kinh tế ASEAN (AEC) và các đối tác ASEAN + [[30]](#footnote-30).

5. Tăng cường đối thoại, hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước tiếp cận và thực thi với các quy định mới có liên quan đến KTTH của các quốc gia, khu vực trên thế giới.

*(Lộ trình, phân công trách nhiệm cụ thể các Bộ, ngành và địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ triển khai Kế hoạch kèm theo định này, ngoài các nhiệm vụ được giao ở trên theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị)*

**V. KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN[[31]](#footnote-31)**

**5.1. Kinh phí thực hiện**

Nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động của Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện KTTH bao gồm:

1. Nguồn từ ngân sách nhà nước: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, chính sách ưu đãi về thuế.

2. Nguồn hỗ trợ quốc tế: vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn hỗ trợ và vay ưu đãi.

3. Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân: tín dụng xanh, trái phiếu xanh do Chính phủ, chính quyền địa phương và doanh nghiệp phát hành; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cho thực hiện KTTH.

4. Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác: vốn huy động công - tư cho các dự án KTTH, các quỹ trong nước nhằm thực hiện mục tiêu thực hiện KTTH.

**5.2. Tổ chức thực hiện**

***5.2.1. Các Bộ ngành[[32]](#footnote-32)***

Các bộ, cơ quan ngang bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý nhà nước được giao, có trách nhiệm xây dựng, phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện KTTH của ngành, lĩnh vực, sản phẩm phù hợp với kế hoạch hành động quốc gia. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể dưới đây:

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

3. Bộ Công Thương

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

5. Bộ Xây dựng

6. Bộ Lao động và Thương binh xã hội

7. Bộ Giao thông vận tải

8. Bộ Khoa học và Công nghệ

9. Bộ Quốc phòng

10. Bộ Tài chính

11. Bộ Tư pháp

12. Bộ Thông tin và Truyền thông

14. Bộ Giáo dục và Đào tạo

15. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

16. Liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI)

17. Các bộ, cơ quan ngang bộ khác có liên quan

***5.2.2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[[33]](#footnote-33)***

**5.3. Chế độ giám sát, báo cáo**

1. Các bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan định kỳ tổ chức rà soát tình hình thực hiện nhiệm vụ, hoạt động được giao tại Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện KTTH, tổng hợp vào báo cáo thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện KTTH.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm điều phối việc thực hiện KTTH, thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình thực hiện, tổng hợp thông tin, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, báo cáo Ban chỉ đạo quốc gia xem xét, quyết định.

**5.4. Đánh giá tình hình thực hiện**

1. Các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh căn cứ vào Kế hoạch hành động quốc gia, Kế hoạch hành động thực hiện KTTH của Bộ, ngành và địa phương đã ban hành, định kỳ hàng năm tổng hợp, xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí và báo cáo tình hình triển khai các chương trình thực hiện kế hoạch phát triển KTTH; lồng ghép các mục tiêu, tiêu chí của Kế hoạch vào chương trình, nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động của ngành, lĩnh vực, địa phương mình; nêu rõ các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện, đề xuất giải pháp khắc phục gửi về Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

2. Bộ Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổ chức đánh giá, tổng kết tình hình thực hiện và báo cáo Chính phủ.

3. Tần suất báo cáo: Hàng năm, 05 năm.

**Phụ lục 01**

**CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐỂ ĐO LƯỜNG, ĐÁNH GIÁ KINH TẾ TUẦN HOÀN CẤP QUỐC GIA**

*(Kèm theo Quyết định số …/QĐ-TTg ngày … tháng … năm 202… của Thủ tướng Chính phủ)*

| **TT** | **Tiêu chí** | **Chỉ tiêu cụ thể** |
| --- | --- | --- |
| **A** | **Giảm khai thác, sử dụng nhiên liệu hóa thạch, rừng tự nhiên, nước; tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên, nguyên liệu thô, vật liệu; tiết kiệm năng lượng;** | |
| **A1** | **Giảm khai thác, sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu hóa thạch, tài nguyên nước; tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên, nguyên liệu thô, vật liệu;** | |
| 1 | Khoáng sản |  |
| 2 | Nhiên liệu hóa thạch |  |
| 3 | Tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu |  |
| 4 | Tài nguyên nước |  |
| 5 | Hiệu quả sử dụng tài nguyên đất |  |
| 6 | Hiệu quả sử dụng tài nguyên khoáng sản |  |
| 7 | Hiệu quả sử dụng tài nguyên nước | - |
| **A2** | **Tiết kiệm năng lượng** | |
| 8 | Sử dụng năng lượng | - |
| 9 | Tiết kiệm năng lượng | ; |
| 10 | Khai thác, sử dụng năng lượng tái tạo | - |
| **B** | **Kéo dài thời gian sử dụng vật liệu, thiết bị, sản phẩm, hàng hóa, các linh kiện, cấu kiện;** | |
| 11 | Sản phẩm thân thiện môi trường |  |
| 12 | Thu hồi và tái chế sản phẩm thải bỏ |  |
| 13 | Thu hồi và tái chế nguyên liệu |  |
| 14 | Tái sử dụng nước | - Tỷ lệ nước thải được tái sử dụng đáp ứng yêu cầu; |
| **C** | **Hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường** | |
| **C1** | **Giảm chất thải rắn, nước thải, khí thải** | |
| 15 | Chất thải rắn |  |
| 16 | Nước thải | - |
| 17 | Khí thải |  |
| **C2** | **Giảm sử dụng hóa chất độc hại** | |
| 18 | Quản lý tốt vòng đời của các loại hóa chất và chất thải theo các cam kết quốc tế đã ký kết | - |
| 19 | Sử dụng phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật hóa học và các loại kháng sinh trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. | - |
| **C3** | **Tái chế chất thải, thu hồi năng lượng; giảm phát thải khí nhà kính** | |
| 20 | Tái chế chât thải, thu hồi năng lượng |  |
| 21 | Giảm phát thải khí nhà kính; | - |
| **C4** | **Giảm sản phẩm sử dụng một lần; mua sắm xanh** | |
| 22 | Giảm sản phẩm sử dụng một lần |  |
| 23 | Mua sắm xanh. |  |
| **D** | **Các chỉ tiêu khác phát triển KTTH** | |
| 24 | Đầu tư vào KTTH - khó |  |
| 25 | Hiệu quả xã hội |  |
| 26 | Hiệu quả kinh tế |  |
| 26 | Đổi mới, sáng tạo và số hóa |  |
| 27 | Mức độ phát triển các mô hình KTTH trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng |  |
| 28 | Mức độ phát triển của thị trường nguyên liệu, vật liệu thứ cấp |  |

**Phụ lục 02**

**CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN TRỌNG TÂM CỦA KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA**

**THỰC HIỆN KINH TẾ TUẦN HOÀN**  
*(Kèm theo Quyết định số …/QĐ-TTg ngày … tháng … năm 202… của Thủ tướng Chính phủ)*

| **TT** | **Hành động chính sách & mô hình KTTH trọng tâm** | **Mục tiêu cần đạt** | **Nhiệm vụ** | **Cơ quan chủ trì** | **Kết quả theo giai đoạn** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Trước 2025 | Trước 2030 | Trước 2050 |
| **I** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.3 |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.3 |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV** |  |  |  |  |  |  |  |
| 4.1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 4.2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 4.3 |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| **V** |  |  |  |  |  |  |  |
| 5.1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 5.2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 5.3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 5.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| 5.5 |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 03**

**DANH MỤC CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC TRỌNG TÂM PHẢI CÓ HƯỚNG DẪN**

**ÁP DỤNG KINH TẾ TUẦN HOÀN**

*(Kèm theo Quyết định số …/QĐ-TTg ngày … tháng … năm 202… của Thủ tướng Chính phủ)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Ngành, lĩnh vực trọng tâm** | **Sản phẩm** | **Thời gian** | **Cơ quan chủ trì** | **Cơ quan phối hợp** |
| 1 | Đồ uống | Bao bì các loại |  |  |  |
| 2 | Thực phẩm |  |  |  |  |
| 3 | Nông nghiệp |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 04**

**DANH MỤC CÁC LOẠI HÌNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH, DỊCH VỤ, SẢN PHẨM PHẢI THỰC HIỆN THIẾT KẾ ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC CÁC TIÊU CHÍ KINH TẾ TUẦN HOÀN; ÁP DỤNG SẢN XUẤT SẠCH HƠN, SẢN XUẤT SẢN PHẨM THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG, SẢN XUẤT SỬ DỤNG NGUYÊN LIỆU TÁI CHẾ, QUẢN LÝ VÒNG ĐỜI CỦA CÁC LOẠI HÓA CHẤT VÀ CHẤT THẢI**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình** | **Yêu cầu** | **Thời gian** | **Cơ quan chủ trì** | **Cơ quan phối hợp** |
| **A** | **Dự án đầu tư** | - Thiết kế sinh thái, thiết kế để thực hiện KTTH  - Áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường  - Sản xuất sử dụng nguyên liệu tái chế, quản lý vòng đời các loại hóa chất và chất thải |  |  |  |
| 1 | Phát triển khu đô thị, khu dân cư tập trung mới |  |  |  |
| 2 | Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung |  |  |  |
| 3 | Khai thác, chế biến khoáng sản |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| **B** | **Cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ** |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| **C** | **Sản phẩm** |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**MỘT SỐ DẪN CHIẾU BAN ĐẦU CÁC CHỦ TRƯƠNG, CHÍNH SÁCH VÀ QUY ĐỊNH HOẶC KINH NGHIỆM QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhiệm vụ được giao** | **Cơ quan chủ trì** |
| 1 | Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất thải rắn chăn nuôi có nguồn gốc hữu cơ sử dụng cho cây trồng hoặc làm thức ăn cho thủy sản. | Bộ NN&PTNT |
| 2 | Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng[[34]](#footnote-34). | Bộ NN&PTNT |
| 3 | Xây dựng, ban hành hướng dẫn kỹ thuật về áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất hoặc xem xét công nhận kỹ thuật hiện có tốt nhất đã được áp dụng tại Nhóm các nước công nghiệp phát triển được phép áp dụng tại Việt Nam. | Bộ TNMT & Bộ KHCN |
| 4 | Rà soát, cập nhật, bổ sung danh mục kỹ thuật hiện có tốt nhất bảo đảm sự phù hợp với thực tế và mức độ phát triển của khoa học và công nghệ. | Bộ TNMT & Bộ KHCN |
| 5 | Hướng dẫn áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất đối với từng loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường[[35]](#footnote-35). | Bộ TNMT & Bộ KHCN |
| 6 | Quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; chi phí xử lý và hình thức thu trên nguyên tắc chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt được tính đúng, tính đủ cho một đơn vị khối lượng chất thải rắn sinh hoạt để thực hiện xử lý[[36]](#footnote-36) | UBND cấp tỉnh |
| 7 | Thực hiện lộ trình hạn chế sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa vi nhựa[[37]](#footnote-37). | UBND cấp tỉnh |
| 8 | Ban hành quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật về xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao, chất thải công nghiệp thông thường khác để hoàn nguyên các khu vực đã kết thúc khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.[[38]](#footnote-38) | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 9 | Ban hành quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng và sử dụng trong các công trình xây dựng. | Bộ Xây dựng |
| 10 | Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng và sử dụng trong các công trình xây dựng[[39]](#footnote-39). | Bộ Xây dựng[[40]](#footnote-40) |
| 11 | Ban hành quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật hoặc quy định khi sử dụng bùn thải làm phân bón cho cây trồng; sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường khác làm nguyên liệu, vật liệu trong các công trình thủy lợi. | Bộ NN&PTNT |
| 12 | Hướng dẫn chi tiết việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trong hoạt động sản xuất nông nghiệp. | Bộ NN&PTNT |
| 13 | Ban hành quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật hoặc quy định khi sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường làm nguyên liệu, vật liệu trong các công trình giao thông và các công trình khác, bảo đảm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường. | Bộ Giao thông vận tải và các bộ, cơ quan ngang bộ khác |
| 14 | Ban hành quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật về xử lý, sử dụng, tái sử dụng chất thải nguy hại[[41]](#footnote-41). | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 15 | Ban hành quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật hoặc quy định khi sử dụng nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường làm nước tưới cây; nước thải từ hoạt động chăn nuôi, xử lý phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;[[42]](#footnote-42) |
| 16 | Ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật hoặc quy định khi tái sử dụng nước thải làm nước đầu vào cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường[[43]](#footnote-43). | Bộ, cơ quan ngang bộ |
| 17 | Hướng dẫn việc quản lý và sử dụng tiền ký quỹ cải tạo môi trường đối với bãi chôn lấp chất thải.[[44]](#footnote-44) | Bộ Tài chính |
| 18 | Ban hành quy định việc thải bỏ phương tiện giao thông trước ngày 01 tháng 01 năm 2025[[45]](#footnote-45). | Bộ TNMT |
| 19 | Ban hành mức đóng góp tài chính tăng dần theo đề xuất của Bộ Tài nguyên và Môi trường; chi phí quản lý hành chính phục vụ quản lý, giám sát và hỗ trợ thực hiện trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu[[46]](#footnote-46). | Bộ TNMT trình Thủ tướng ban hành |
| 20 | Quyết định thành lập Hội đồng EPR quốc gia; ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng EPR quốc gia và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của văn phòng giúp việc của Hội đồng EPR quốc gia. | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
|  | Cơ chế khuyến khích thực hiện KTTH[[47]](#footnote-47). |  |
| 21 | Ban hành danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường quy định tại khoản 1 Điều này[[48]](#footnote-48). | Bộ Công Thương |
| 22 | Bổ sung các chỉ tiêu thống kê về ngành công nghiệp môi trường vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; tổ chức chỉ đạo định kỳ thực hiện công bố xã hội các thông tin thống kê về ngành công nghiệp môi trường. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư [[49]](#footnote-49) |
| 23 | Chương trình phát triển ngành công nghiệp môi trường. | Bộ Công Thương[[50]](#footnote-50) |
| 24 | Quy định mã số định danh đối với hàng hóa môi trường của danh mục thuế quan hài hòa (HS code) để thực hiện lộ trình mở cửa hàng hóa môi trường phù hợp với cam kết quốc tế. | 4. Bộ Tài chính[[51]](#footnote-51) |
| 25 | Lập, thẩm định, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức thực hiện dự án đầu tư đã được phê duyệt theo phương thức đối tác công tư về thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. | UBND cấp tỉnh |
| 26 | Lập, thẩm định, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư về thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, xử lý chất thải rắn Liên vùng, liên tỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. | Bộ Tài nguyên và Môi trường[[52]](#footnote-52) |
| 27 | Xây dựng đề xuất dự án đầu tư trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư khu tái chế, xử lý chất thải nguy hại liên vùng, liên tỉnh theo quy định của pháp luật có liên quan. | Bộ Tài nguyên và Môi trường[[53]](#footnote-53) |
| 28 | Hoàn thiện các cơ chế, chính sách hướng dẫn thực hiện và khuyến khích triển khai mô hình khu công nghiệp sinh thái. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư[[54]](#footnote-54) |
| 29 | Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về hiệu quả tài nguyên trong khu công nghiệp, tiến tới áp dụng chung cho các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư[[55]](#footnote-55) |
| 30 | Công bố và cập nhật danh mục sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường[[56]](#footnote-56). | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 31 | ký thỏa thuận và công bố các nội dung thỏa thuận công nhận lẫn nhau về chứng nhận sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam với các tổ chức chứng nhận nhãn sinh thái quốc tế. | 2. Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 32 | Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam tập trung, bố trí nguồn vốn phù hợp để cho vay ưu đãi khuyến khích chủ đầu tư thực hiện dự án thuộc danh mục phân loại xanh. | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| 33 | Hỗ trợ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam tiếp nhận nguồn vốn viện trợ, cho vay ưu đãi nước ngoài để tài trợ cho dự án thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật khác có liên quan. | Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| 34 | Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định hỗ trợ lãi suất đối với dự án thuộc danh mục phân loại xanh sau khi kết thúc hợp đồng vay vốn trung, dài hạn tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam | Bộ Kế hoạch và Đầu tư[[57]](#footnote-57) |
| 35 | Hướng dẫn phân loại dự án thuộc danh mục phân loại xanh để tổng hợp trong danh mục đầu tư công khi xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư công hàng năm làm căn cứ để Chính phủ, chính quyền địa phương lựa chọn khi phát hành trái phiếu xanh. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |

1. Đề án KTTH: Đến năm 2025, các dự án KTTH bước đầu đi vào thực hiện và phát huy hiệu quả kinh tế, xã hội, công nghệ và môi trường; đóng góp vào phục hồi các tài nguyên tái tạo được, giảm tiêu hao năng lượng, tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo trên tổng cung cấp năng lượng sơ cấp, tỷ lệ che phủ rừng, tăng cường tỷ lệ tái chế rác thải, tăng cường tỷ lệ nội địa hóa của các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và công nghiệp xuất khẩu. Đến năm 2030, các dự án KTTH trở thành một động lực chủ yếu trong giảm tiêu hao năng lượng sơ cấp, có năng lực tự chủ phần lớn hoặc toàn bộ nhu cầu năng lượng dựa trên năng lượng tái tạo, và trong tăng cường tỷ lệ che phủ rừng. [↑](#footnote-ref-1)
2. Điểm đ khoản 3 Điều 139 Nghị định 08/2022/NĐ-CP: Định hướng các giải pháp thực hiện kinh tế tuần hoàn bao gồm: tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, pháp luật; phát triển khoa học và công nghệ; phát triển nguồn nhân lực; phát triển hạ tầng kỹ thuật; kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu; huy động các nguồn vốn; hợp tác quốc tế và các giải pháp khác; [↑](#footnote-ref-2)
3. c) Xác định nhiệm vụ, lộ trình thực hiện kinh tế tuần hoàn đối với các ngành, lĩnh vực, trong đó xác định các ngành, lĩnh vực ưu tiên thực hiện theo từng giai đoạn; xây dựng danh mục các ngành, lĩnh vực đặc thù phải có hướng dẫn áp dụng kinh tế tuần hoàn; [↑](#footnote-ref-3)
4. phải thực hiện thiết kế để đạt được các tiêu chí kinh tế tuần hoàn; áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường, sản xuất sử dụng nguyên liệu tái chế, quản lý vòng đời của các loại hóa chất và chất thải; [↑](#footnote-ref-4)
5. khuyến khích sự phát triển thói quen, nếp văn hóa nhấn mạnh đến những nỗ lực, hành vi tốt giảm thiểu tác động xấu đến môi trường của mô hình kinh tế tuyến tính và nâng cao nhận thức về các cách khác nhau để tránh chúng, thúc đẩy phổ biến các thói quen, thực hành tuần hoàn và lối sống xanh [↑](#footnote-ref-5)
6. Hình thành và phát triển mạng lưới thu gom, điểm thu gom tự động; khu công nghiệp tái chế, xử lý vào trong quy hoạch phát triển cấp tỉnh, quy hoạch vùng đảm bảo tính hệ thống, hiệu quả. [↑](#footnote-ref-6)
7. bao gồm: danh mục các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc; danh mục các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tự nguyện [↑](#footnote-ref-7)
8. Khoản 7, Điều 5 Luật BVMT [↑](#footnote-ref-8)
9. Dự án thí điểm "các thỏa thuận đổi mới" để giải quyết các trở ngại về quy định đối với các nhà đổi mới; Tiếp cận có mục tiêu để khuyến khích các đơn xin tài trợ theo EFSI, và hỗ trợ xây dựng các dự án và nền tảng đầu tư liên quan đến nền kinh tế tuần hoàn; Các hoạt động tiếp cận và truyền thông có mục tiêu hỗ trợ các nước Thành viên và khu vực tiếp nhận các quỹ Chính sách Liên kết cho nền kinh tế tuần hoàn; Hỗ trợ các Quốc gia Thành viên và khu vực tăng cường đổi mới cho nền kinh tế tuần hoàn thông qua chuyên môn hóa thông minh; Đánh giá khả năng thiết lập một nền tảng cùng với EIB và các ngân hàng quốc gia để hỗ trợ tài chính cho nền kinh tế tuần hoàn [↑](#footnote-ref-9)
10. Các chỉ tiêu cân nhắc bao gồm: sự tồn tại của hệ thống thông tin, sự rang buộc về cấu trúc tổ chức, …), kết quả của việc thực hiện các chỉ tiêu (giảm sử dụng tài nguyên, giảm phát sinh chất thải, gia tăng tỷ lệ phục hồi…). [↑](#footnote-ref-10)
11. Điều 141 nghị định 08 [↑](#footnote-ref-11)
12. MPI [↑](#footnote-ref-12)
13. Bộ Công Thương [↑](#footnote-ref-13)
14. Nghị quyết 12-NQ/TW ngày 3 tháng 6 năm 2017 tại hội nghị lần thứ năm ban chấp hành trung ương đảng khóa xii về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước [↑](#footnote-ref-14)
15. Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới [↑](#footnote-ref-15)
16. Kiến nghị của Liên minh HTX Việt Nam [↑](#footnote-ref-16)
17. Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3/6/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa [↑](#footnote-ref-17)
18. Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 [↑](#footnote-ref-18)
19. Đào tạo nguồn nhân lực đủ khả năng vận hành KTTH gắn với đổi mới sang tạo, công nghệ cao, công nghệ số. [↑](#footnote-ref-19)
20. Chú trọng CSDL quản lý chất thải rắn nói chung và chất thải rắn sinh hoạt nói riêng. [↑](#footnote-ref-20)
21. Tạo ra các hệ thống thông tin quốc gia rộng rãi và dễ tiếp cận, cho phép định lượng các tác động môi trường của hàng hóa và dịch vụ trong suốt vòng đời của chúng, đảm bảo có sự hỗ trợ và nguồn lực lâu dài để đảm bảo chúng được phát triển liên tục và cập nhật kịp thời. [↑](#footnote-ref-21)
22. Điểm d, khoản 3 Điều 138 Nghị định 08/2022/NĐ-CP: Xác định các loại hình dự án đầu tư, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sản phẩm phải thực hiện thiết kế để đạt được các tiêu chí kinh tế tuần hoàn; áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường, sản xuất sử dụng nguyên liệu tái chế, quản lý vòng đời của các loại hóa chất và chất thải; [↑](#footnote-ref-22)
23. Hình thành các chuỗi cung ứng và thu hồi nguyên liệu, nhiên liệu theo các sản phẩm, dòng chất thải trọng tâm để thực hiện KTTH như: Khoáng sản, kim loại; nhiên liệu; sinh khối; nước; nhựa và bao bì; thủy tinh; cao su; giấy; gỗ, tre; sinh khối; thực phẩm; điện tử; hóa chất; thép; dệt may và thời trang; thủy sản; vật liệu xây dựng. Phát triển các dịch vụ hỗ trợ thực hiện KTTH như: Dịch vụ thiết kế sinh thái, thiết kế để tái chế, tái sử dụng; dịch vụ bảo vệ môi trường; dịch vụ tư vấn các giải pháp, đánh giá, cung cấp công nghệ, thiết bị, sản phẩm thực hiện KTTH; dịch vụ khác có liên quan (sửa chữa, tân trang…). [↑](#footnote-ref-23)
24. Các Bộ, cơ quan ngang bộ và Uỷ ban nhân dân các cấp căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý được giao, đặc trưng của ngành, lĩnh vực và địa phương quản lý lựa chọn các mô hình cụ thể theo các nhóm trọng tâm dưới đây để nghiên cứu, thí điểm, nhân rộng và phát triển. [↑](#footnote-ref-24)
25. Các sản phẩm, dịch vụ KTTH như: dịch vụ thiết kế sinh thái, nguyên vật liệu thứ cấp, hàng cũ, công nghệ, thiết bị và sản phẩm hỗ trợ. [↑](#footnote-ref-25)
26. NQ 29-NQ/TW về CNH, HĐH [↑](#footnote-ref-26)
27. Hàng cũ, nguyên liệu vật liệu thứ cấp, dịch vụ thiết kế tuần hoàn, dịch vụ tư vấn, cung cấp công nghệ, thiết bị thực hiện kinh tế tuần hoàn... [↑](#footnote-ref-27)
28. Nghị quyết 06-NQ/TW: phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm, kinh tế du lịch, thể thao... tại các đô thị đặc biệt và các đô thị lớn; phát triển kinh tế gắn với chuỗi giá trị kinh tế nông nghiệp nông thôn và phát triển dịch vụ xã hội tại các đô thị nhỏ; Khuyến khích sử dụng vật liệu xanh, xây dựng và phát triển hạ tầng xanh, công trình xanh, tiêu thụ năng lượng xanh tại đô thị. [↑](#footnote-ref-28)
29. Thiết lập mạng lưới các cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung theo hướng liên vùng, liên tỉnh với công nghệ phù hợp theo từng vùng, miền. [↑](#footnote-ref-29)
30. Khung Kinh tế tuần hoàn của cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC). [↑](#footnote-ref-30)
31. Điểm e khoản 3 Điều 138 Nghị định 08/2022/NĐ-CP: Tổ chức thực hiện bao gồm: phân công trách nhiệm của cơ quan chủ trì và các cơ quan phối hợp; chế độ giám sát, báo cáo; phân bổ nguồn lực thực hiện. [↑](#footnote-ref-31)
32. Khoản 2 Điều 139 quy định: Các bộ, cơ quan ngang bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý nhà nước được giao, có trách nhiệm: a) Xây dựng, phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn của ngành, lĩnh vực, sản phẩm phù hợp với kế hoạch hành động quốc gia quy định tại khoản 5 Điều này; b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, giáo dục, đào tạo về nội dung kinh tế tuần hoàn; c) Lồng ghép các tiêu chí cụ thể thực hiện kinh tế tuần hoàn ngay trong quá trình xây dựng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý, tái sử dụng, tái chế chất thải; d) Quản lý, cập nhật thông tin, dữ liệu thực hiện kinh tế tuần hoàn và tích hợp với hệ thống thông tin dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đ) Tổ chức áp dụng thí điểm mô hình kinh tế tuần hoàn đối với ngành, lĩnh vực năng lượng, nguyên liệu, chất thải theo kế hoạch hành động quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này; e) Thực hiện các trách nhiệm khác liên quan đến kinh tế tuần hoàn theo quy định tại Nghị định này. [↑](#footnote-ref-32)
33. Khoản 3 Điều 139 Nghị định 08/2022/NĐ-CP: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: a) Xây dựng, lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan và phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh phù hợp với các kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn quy định tại khoản 4 Điều này; b) Thực hiện các trách nhiệm quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều này trên địa bàn quản lý; c) Tổ chức áp dụng thí điểm mô hình kinh tế tuần hoàn đối với ngành, lĩnh vực năng lượng, nguyên liệu, chất thải theo kế hoạch hành động quy định tại điểm a khoản này, khoản 4 và khoản 5 Điều này. [↑](#footnote-ref-33)
34. Khoản 3 Điều 51 Nghị định 08/2022/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-34)
35. Khoản 3 Điều 105, Luật BVMT [↑](#footnote-ref-35)
36. Khoản 6, Điều 58 Nghị định 08/2022/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-36)
37. Điều 64, Nghị định 08 [↑](#footnote-ref-37)
38. Điểm b, khoản 4 Điều 65 Nghị định 08/2022/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-38)
39. Trường hợp chưa ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật thì áp dụng tiêu chuẩn của một trong các nước thuộc Nhóm các nước công nghiệp phát triển (Khoản 5 Điều 65) [↑](#footnote-ref-39)
40. gửi Bộ KHCN công bố [↑](#footnote-ref-40)
41. Trường hợp chưa ban hành được quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật thì áp dụng tiêu chuẩn của một trong các nước thuộc Nhóm các nước công nghiệp phát triển (Khoản 5, Điều 70 Nghị định 08/2022/NĐ-CP) [↑](#footnote-ref-41)
42. Trường hợp chưa ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật thì áp dụng tiêu chuẩn của một trong các nước thuộc Nhóm các nước công nghiệp phát triển (Khoản 3 Điều 74) [↑](#footnote-ref-42)
43. Khoản 3 Điều 74 [↑](#footnote-ref-43)
44. Khoản 7 Điều 76 Nghị định 08/2022/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-44)
45. Điều 77 [↑](#footnote-ref-45)
46. Khoản 5 Điều 83 Nghị định 08 [↑](#footnote-ref-46)
47. Điều 140 Nghị định 08. [↑](#footnote-ref-47)
48. Điều 141 nghị định 08 [↑](#footnote-ref-48)
49. chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ [↑](#footnote-ref-49)
50. chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt [↑](#footnote-ref-50)
51. chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương [↑](#footnote-ref-51)
52. chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan [↑](#footnote-ref-52)
53. chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan [↑](#footnote-ref-53)
54. chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ [↑](#footnote-ref-54)
55. chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ [↑](#footnote-ref-55)
56. Điều 150 Nghị định 08 [↑](#footnote-ref-56)
57. chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026) [↑](#footnote-ref-57)